TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 6 - 2023
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Ông Trần Ngọc Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: không thuộc trường hợp tham gia.

Ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023; về tranh chấp: "*ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Thị Thanh T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn P**, sinh năm 1992. Địa chỉ: tổ H, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023 nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Võ Văn P qua quen biết tìm hiểu nhau, được sự chấp thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương năm 2012; đăng ký kết hôn ngày 11/10/2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới: 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 sợi dây chuyền 0,5 chỉ vàng 24K, 01 lắc tay 04 chỉ vàng 24K; vợ chồng đã chi xài trong gia đình hết, hiện không còn. Có 02 con chung tên Võ Ngọc Như H, sinh ngày 31/12/2010 và Võ Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2017 hiện sống với anh chị. Tài sản chung, nợ chung: không có, không tranh chấp. Anh chị sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, đánh

nhau, gia đình bất hòa liên tục, anh P nhậu nhẹt bê tha về đánh chị nhiều lần, chị không thể tiếp tục chịu đựng nên về nhà mẹ ruột ở từ ngày 20/11/2022 đến nay; hiện vợ chồng đã mất lòng tin với nhau, không thể tiếp tục sống chung. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Võ Văn P. Về con chung: chị yêu cầu giải quyết cho anh P được quyền nuôi Võ Ngọc Như H, sinh ngày 31/12/2010, chị không cấp dưỡng nuôi con; chị yêu cầu giải quyết cho chị được quyền nuôi Võ Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2017, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản (tài sản chung, nợ chung): không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu nào khác.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2023 cháu Võ Ngọc N Huỳnh trình bày:* Cha cháu là Võ Văn P, mẹ cháu là Ngô Thị Thanh T, hiện cháu sống với cha. Trường hợp Tòa án giải quyết cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với cha.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Ngô Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Võ Văn P, anh P có nơi cư trú thuộc huyện B nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn anh Võ Văn P tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng anh P vẫn vắng mặt. Chị Ngô Thị Thanh T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P và chị T.

[1.3] Bị đơn anh Võ Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên anh P đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Anh P phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh T và anh Võ Văn P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Bởi lẽ quá trình chung sống anh chị bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn hạnh phúc. Anh chị không còn sống chung từ tháng 11/2022 đến nay; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Hiện mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P, chị yêu cầu được ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho

chị T được ly hôn anh P là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Võ Ngọc Như H, sinh ngày 31/12/2010: chị T yêu cầu giải quyết cho anh P được quyền nuôi, phù hợp với nguyện vọng cháu Như H sống với cha. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Như H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng.

Võ Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2017: chị T yêu cầu được quyền nuôi. Xét thấy từ khi chị T và anh P không còn sống chung, chị T là người trực tiếp nuôi con, cuộc sống của con vẫn được đảm bảo. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo quy định của pháp luật thì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, tuy nhiên chị T và anh P không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị Ngô Thị Thanh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị Thanh T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Thanh T và anh Võ Văn P.

2. Về con chung:

2.1. Giao Võ Ngọc Như H, sinh ngày 31/12/2010 cho anh Võ Văn P trực tiếp nuôi dưỡng; giao Võ Ngọc Huỳnh N, sinh ngày 10/02/2017 cho chị Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Ngô Thị Thanh T và anh Võ Văn P không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Ngô Thị Thanh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Võ Ngọc N Huỳnh được sống chung với anh Võ Văn P.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; đồng thời người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chia tài sản: chị Ngô Thị Thanh T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* do chị T nộp theo biên lai thu số 0002888 ngày 22/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân. Vậy chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- UBND xã T, Bình Tân, Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.